

TUYỂN SINH HỆ CHÍNH QUY

Trường Đại học Intracom công bố thông tin tuyển sinh chính quy năm học 2026 – 2027, theo đó Trường tuyển sinh 12 ngành đào tạo (36 chương trình đào tạo) với 04 phương thức xét tuyển

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: INU

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)

- Trụ sở chính: Khu Đại học Phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
- Văn phòng: Tòa nhà Intracom Riverside, xã Vĩnh Thanh, Thành phố Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://intracomuni.edu.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế, thông tin tuyển sinh: <https://intracomuni.edu.vn/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0968 395 392

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: <https://intracomuni.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao

- gồm:**
- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
 - b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học INTRACOM sử dụng các phương thức xét tuyển sau:

STT	Mã phương thức	Tên phương thức	
1	301	Phương thức 1 (PT1)	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT
2	100	Phương thức 2 (PT2)	Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026
3	200	Phương thức 3 (PT3)	Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (Xét học bạ) năm lớp 10,11,12
4	402	Phương thức 4 (PT4)	Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội/TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026; Xét tuyển kết quả thi Đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội; Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi V-SAT tổ chức năm 2026.
5	405	Phương thức 5 (PT5)	Xét tuyển sử dụng kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu.

6	406	Phương thức 6 (PT6)	Xét tuyển sử dụng kết hợp kết quả học tập cấp THPT năm lớp 10,11,12 với điểm thi năng khiếu.
---	-----	---------------------	--

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT) cho các phương thức xét tuyển

3.1.1. Điểm xét tuyển phương thức 2,3 và 5,6

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm M1} + \text{Điểm M2} + \text{Điểm M3}) + \text{Điểm cộng} + \text{Điểm ưu tiên}$$

3.1.2. Điểm xét tuyển phương thức 4

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Điểm ĐGNL} + \text{Điểm cộng} + \text{Điểm ưu tiên}$$

Trong đó:

- **Điểm xét tuyển** của các phương thức được quy đổi tương đương theo thang điểm 30 và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân không vượt quá mức điểm tối đa là 30.

- **Điểm M1, Điểm M2, Điểm M3:** Là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc Điểm trung bình chung các môn học của năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển vào các ngành hoặc điểm Trung bình chung tất cả các môn học của 03 năm các lớp 10, 11,12.

- **Điểm cộng:** Bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 3,00 điểm theo thang điểm 30, cụ thể:

a) **Điểm thưởng:** Dành cho thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh hiện hành; mức điểm thưởng **từ 0 - 3,00 điểm** theo thang điểm 30. Cụ thể như sau:

	Thành tích nổi bật trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu (Do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức)	
--	--	--

TT	HSG quốc gia	HSG quốc tế	Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật	Kỳ thi nghệ thuật (lĩnh vực âm nhạc)	Đội tuyển quốc gia thi đấu giải quốc tế chính thức	Kỳ thi tay nghề ASEAN và tay nghề quốc tế	Điểm cộng
1	Giải nhất	Giải vàng	Giải nhất	Giải nhất	Giải vàng	Giải nhất	3.0
2	Giải nhì	Giải bạc	Giải nhì	Giải nhì	Giải bạc	Giải nhì	2.0
3	Giải ba	Giải đồng	Giải ba	Giải ba	Giải đồng	Giải ba	1.0

* Trường hợp thí sinh đạt nhiều thành tích thuộc diện được cộng điểm xét thưởng, Nhà trường chỉ tính 01 mức điểm tương ứng với thành tích cao nhất; không cộng dồn nhiều giải. Tổng điểm cộng (bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích) không vượt quá 3,00 điểm theo thang điểm 30.

* Thời gian đạt giải không **quá 03 năm** tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

b) **Điểm xét thưởng:** Dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng **từ 0 - 1,50 điểm** theo thang điểm 30. Cụ thể như sau:

TT	Có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt		Điểm cộng
	HSG tỉnh	HSG quốc gia	
1	Giải nhất		1.5
2	Giải nhì		1.0
3	Giải ba	Giải khuyến khích	0.5

c) **Điểm khuyến khích:** Dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích **từ 0 - 1,50 điểm** theo thang điểm 30 (Áp dụng theo Bảng quy đổi ngoại ngữ tại mục 3.1.4)

Lưu ý:

* Trường hợp thí sinh có từ 02 chứng chỉ ngoại ngữ trở lên thuộc diện được cộng điểm khuyến khích, Nhà trường chỉ xét 01 chứng chỉ có mức điểm cộng cao nhất; không cộng dồn nhiều chứng chỉ. Tổng điểm cộng (bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích) không vượt quá 3,00 điểm theo thang điểm 30.

* Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 3 điểm theo thang điểm 30; điểm thành phần của từng điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích) tối đa 1,5 điểm theo thang điểm 30.

* Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang 30), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá 30 điểm.

- **Điểm ưu tiên:** Điểm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên (Áp dụng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT tại mục 7) giảm dần từ mức điểm 22,5 điểm để đảm bảo không vượt tổng 30 điểm.

- **Điểm ĐGNL** sẽ được quy đổi tương đương theo thang điểm 30 trước khi xét tuyển.

3.1.3. Điểm xét tuyển môn năng khiếu dùng cho phương thức 5,6

Môn năng khiếu thí sinh tham gia xét tuyển ngành Kiến trúc (Khối V) tại Trường Đại học Intracom có thể dùng kết quả thi môn Năng khiếu tại các cơ sở giáo dục đại học khác trong cả nước để xét tuyển.

3.1.4. Bảng quy đổi ngoại ngữ

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 4.0 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (Trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm thông báo thu hồ sơ) được quy đổi thành điểm tiếng Anh để xét tuyển kết hợp với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đáp ứng tổng điểm xét tuyển theo các tổ hợp của ngành xét tuyển.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định có dự thi và có điểm tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thì không được sử dụng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh thành điểm xét tuyển đại học theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Thang điểm quy đổi của các chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn thi ngoại ngữ trong hợp đăng ký xét tuyển (nếu thí sinh có nguyện vọng) được xác định quy đổi như sau:

Ngôn ngữ	Loại chứng chỉ	Các mức Điểm quy đổi theo các chứng chỉ ngoại ngữ					
Điểm môn ngoại ngữ quy đổi		Quy đổi 1	Quy đổi 2	Quy đổi 3	Quy đổi 4	Quy đổi 5	Quy đổi 6
		7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0
Điểm khuyến khích		0.25	0.5	0.75	1.0	1.25	1.5

Tiếng Anh	IELTS	4.0	4.5-5.0	5.5-6.0	6.5	7.0	7.5 trở lên
	TOEFL Paper	437-473	477-499	500-527	533-547	550-587	590 trở lên
	TOEFL IBT	32-40	41-45	46-78	79-93	94-101	102 trở lên
	TOEIC	405-445	450-600	605-780	785-860	865-900	905 trở lên
	APTIS ESOL		B1		B2		C1
	VSTEP				6.5	7.0	7.5 trở lên
Tiếng Trung Quốc	HSK (Test Score Report)		HSK3 (180-220)	HSK3 (221-240)	HSK3 (241-280)	HSK3 (281-300) HSK4 (180-220)	HSK4 (221-300) HSK5-HSK6
Tiếng Hàn Quốc	TOPIK	TOPIK2 (140-200)	TOPIK3 (120-130)	TOPIK3 (130-149)	TOPIK4 (150-170)	TOPIK4 (171-189)	TOPIK5 & TOPIK6 (190-300)
Tiếng Nhật Bản	JLPT	N5	N4 (90-120)	N4 (121-180)	N3 (90-120)	N3 (121-180)	N2 trở lên
Tiếng Nga	TRKI		TRKI I		TRKI II	TRKI III	TRKI IV
Tiếng Pháp	CTF				300-399	400-499	500 trở lên

3.1.5. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định.
- Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

- a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;
- c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;
- đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng

3.2. Ngưỡng đầu vào nhận hồ sơ xét tuyển cho các ngành đào tạo

3.2.1. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Tổng điểm 03 môn thi theo tổ hợp xét tuyển (hoặc Toán, Ngữ văn và 01 môn khác) ≥ 15 điểm áp dụng đối với các ngành trừ khối sức khỏe, pháp luật.
- Đối với các khối ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, pháp luật: Ngưỡng đầu vào được Nhà trường công bố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2.2. Xét tuyển sử dụng theo kết quả học tập THPT (Học bạ) các ngành:

(1) Luật và Luật kinh tế đạt một trong các điều kiện:

- Học lực năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc Toán, Ngữ văn và 01 môn khác) $\geq 18/30$ điểm.
- Điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 8,50$.

(2) Y Khoa đạt một trong các điều kiện sau:

- Học lực năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc Toán, Ngữ văn và 01 môn khác) $\geq 20/30$ điểm.
- Điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 8,50$.

(3) Điều dưỡng đạt một trong các điều kiện:

- Học lực năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển $\geq 16,5/30$ điểm.
- Điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 6,50$.

(4) Ngưỡng đầu vào đối với các ngành còn lại đạt một trong các điều kiện:

• Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026:

- Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT hoặc điểm trung bình chung các môn học năm lớp 10,11,12 theo tổ hợp xét tuyển ≥ 15 điểm/30 điểm.
- Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển hoặc tổng điểm trung bình chung tất cả các môn học của 03 năm các lớp 10, 11,12 $\geq 15/30$ điểm.

• Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước không tham gia kì thi tốt nghiệp năm 2026:

- Tổng điểm trung bình chung các môn lớp 10,11,12 theo tổ hợp xét tuyển $\geq 15/30$ điểm.
- Tổng điểm trung bình chung tất cả các môn học của 03 năm các lớp 10, 11,12 $\geq 15/30$ điểm.

(5) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi ĐGNL/ĐGTD, kết quả thi V-SAT tổ chức năm 2026

- Ngưỡng đầu vào nhận hồ sơ xét tuyển được Nhà trường công bố sau khi có phổ điểm chính thức năm 2026 do Đại học Quốc gia Hà Nội /TP Hồ Chí Minh và trường Đại học Bách Khoa, kết quả thi V-SAT.

3.3. Điểm trúng tuyển

3.3.1. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 theo thang điểm xét và trúng tuyển và tổng điểm 03 môn thi theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15 điểm áp dụng đối với các ngành trừ khối ngành sức khỏe, pháp luật.
- Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét kết quả học tập THPT (học bạ) phải có môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển, với trọng số tối thiểu 1/3, và đáp ứng ngưỡng đầu vào theo ngành xét tuyển đã quy định.

3.3.2 . Điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển Đợt 1 sẽ được công bố theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các Đợt bổ sung còn lại (nếu có) sẽ được Nhà trường công bố thời gian cụ thể trên website của Trường. Công thức tính điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển được xác định như sau:

Điểm trúng tuyển = Điểm tổng các môn (Tổ hợp môn xét tuyển)/Điểm DGNL + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (làm tròn đến 02 chữ số thập phân).

Lưu ý: Mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và đảm bảo không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên)

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		Ghi chú (Chuyên ngành)
						PTTS	Mã tổ hợp	
						PT1		Luật kinh tế

1	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	200	(301), PT2 (100), PT3 (200)	A00, A01, C00, C04, D01, X26, C14, C19, C20	Luật kinh tế quốc tế
								Luật tài sản và kinh doanh bất động sản
								Luật Ngân hàng và công nghệ tài chính
								Pháp luật về kinh tế số
2	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	200	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	A00, A01, C03, D07, D01, X26, C14, C19, C20	Quản trị kinh doanh
								Quản trị kinh doanh du lịch
								Quản trị truyền thông đa phương tiện
								Quản trị truyền thông marketing
								Quản trị thương hiệu và quan hệ công chúng
								Quản trị marketing số
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	50	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	A00, D01, A01, C01, X02, X26	Quản trị bệnh viện
								Tài chính - Ngân hàng
								Tài chính quốc tế
						PT1		Tài chính doanh nghiệp

4	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100	(301), PT2 (100), PT3 (200)	A00, D01, A01, C01, X02, X26	Kế toán
								Kế toán bệnh viện
								Kế toán xây dựng
5	7520201	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện	50	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200), PT4 (402)	A00, A01, C01, D01, A0C, D0C	
6	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	50	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	A00, A01, C01, D01, D07, A04	
						PT1		Công nghệ thông tin
								Kỹ thuật phần mềm với Trí tuệ nhân tạo tăng cường

7	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	(301), PT2 (100), PT3 (200), PT4 (402)	A00, A01, C01, D01, A0C, D0C	Khoa học dữ liệu trong Kinh doanh và Tài chính
								Trí tuệ nhân tạo và Công nghệ thông tin Y tế
								Robot và Trí tuệ nhân tạo
								Vi mạch bán dẫn và các hệ thống IoT
								Truyền thông đa phương tiện với AI tăng cường
8	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)	60	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200), PT4 (402)	A00, A01, A09, C01, C04, C14, D01	
9	7580101	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	50	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200),	V00, V01, V02, V03, A00, A01	

						PT5 (405), PT6 (406)		
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	A01, D01, D10, D14, D15, D07, C14, D66, D84	Ngôn ngữ Anh
								Ngôn ngữ Anh y tế
								Ngôn ngữ Anh du lịch
11	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	200	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	D01, D04, C00, A01, D14, D15, C14, C19, C20, D66, D84	Ngôn ngữ Trung Quốc (*)
								Ngôn ngữ Trung Quốc Thương mại quốc tế (*)
								Ngôn ngữ Trung Quốc Kỹ thuật (*)
								Ngôn ngữ Trung Quốc y tế (*)
12	7810101	Du lịch (*)	7810101	Du lịch (*)	50	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	C00, D01, D15, C04, A10, D14	

13	7810201	Quản trị khách sạn (*)	7810201	Quản trị khách sạn (*)	50	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	C00, D01, D15, C04, A10, D14	
14	7720101	Y khoa (*)	7720101	Y khoa (*)	200	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	B00, A02, D08, B03, X14, B08	
15	7720301	Điều dưỡng (*)	7720301	Điều dưỡng (*)	200	PT1 (301), PT2 (100), PT3 (200)	B00, D08, B03, B04, A02, X14	

(*) Các ngành/chuyên ngành dự kiến đào tạo năm 2026;

Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường Đại học Intracom năm 2026

A00: Toán, Vật lí, Hóa học	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D04: Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung
A02: Toán, Vật lí, Sinh Học	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

A04: Toán, Vật lí, Địa lí	D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
A0C: Toán, Vật lí, Công nghệ	D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh
A09: Toán, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
A10: Toán, Vật lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	D15: Ngữ Văn, Địa Lý, Tiếng Anh
B00 : Toán, Sinh học, Hóa học	D0C: Toán, Tiếng Anh, Công nghệ
B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn	D66: Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
B04: Toán học, Sinh học và Giáo dục công dân	D84: Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	V00: Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật
C01: Toán, Vật Lí, Ngữ Văn	V02: Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử	V03: Vẽ mỹ thuật, Toán, Hóa học
C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí	X02: Toán, Ngữ văn, Tin học
C14: Ngữ văn, Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật	X06: Toán, Vật lí, Tin học
C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	X14: Toán, Sinh học, Tin học
C20: Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	X26: Toán, Tiếng Anh, Tin học

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường Đại học INTRACOM không tổ chức sơ tuyển, không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Trường Đại học INTRACOM xác định điểm trúng tuyển theo ngành và không có sự chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển. Trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm xét tuyển (bao gồm cả điểm ưu tiên) bằng ngưỡng điểm trúng tuyển thì ưu tiên theo thứ tự nguyện vọng của thí sinh.

b. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

- Sau khi hoàn thành nhập học, sinh viên được xếp vào các lớp sinh viên theo cùng ngành, cùng chương trình đào tạo của khóa học (cùng khóa trúng tuyển) theo đúng nguyện vọng trúng tuyển.
- Quy mô tối thiểu để mở lớp ngành là các thí sinh trúng tuyển nhập học (hoàn thành đóng học phí) do Hiệu trưởng quyết định.

d. Các thông tin khác

- Nếu xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển trước chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức xét tuyển sau.
- Kết thúc đợt xét tuyển 1 nếu còn chỉ tiêu, Nhà trường sẽ xét tuyển nguyện vọng bổ theo quy định của Bộ GD&ĐT và cho đến khi đủ chỉ tiêu.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian xét tuyển

Trường Đại học Intracom sẽ tổ chức tuyển sinh nhiều đợt/năm, dự kiến như sau:

6.1.1. Xét tuyển Đợt 1

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Thời gian đăng ký: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Số lượng nguyện vọng (NV) tối đa: 15 nguyện vọng.
- Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký như sau:
 - + Mã Trường: **INU**; Thứ tự nguyện vọng: **Số thứ tự nguyện vọng**;

+ Mã ngành xét tuyển **{Mã ngành xét tuyển}**;

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ/chứng chỉ quốc tế để quy đổi điểm hoặc cộng điểm khuyến khích phải gửi minh chứng về Trường trước ngày xét tuyển của Bộ GD&ĐT

6.1.2. Xét tuyển Đợt bổ sung

- Sau Đợt 1, Nhà trường tổ chức các đợt xét tuyển bổ sung đối với những ngành chưa đủ chỉ tiêu.

- Lịch cụ thể được công bố trên website của Trường.

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://xettuyen.intracomuni.edu.vn>

6.2. Hình thức nhận đăng kí xét tuyển và nhận hồ sơ xét tuyển

- Đợt xét tuyển tất cả các phương thức theo quy định chung của Bộ GD&ĐT: Tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin chung của Bộ GD&ĐT.

- Các đợt khác: Thí sinh thực hiện 3 bước:

+ **Bước 1:** Đăng ký xét tuyển online tại: <https://xettuyen.intracomuni.edu.vn>

+ **Bước 2:** Điền hồ sơ online tại: <https://xettuyen.intracomuni.edu.vn>

+ **Bước 3:** Gửi hồ sơ bản cứng theo quy định về Trường Đại học Intracom:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ:

Phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Intracom

Địa chỉ: Tòa A - Intracom Riverside, Vĩnh Thanh, Đông Anh, Hà Nội.

- Gọi hotlines: 0968 395 392/096 216 30 03

- Inbox Fanpage Đại Học Intracom: <https://www.facebook.com/IntracomUniversity>

- Website: <https://intracomuni.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng, ưu tiên tuyển sinh

Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

7.1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I,II,III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2- NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách bao gồm:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
-----------	----------------------------

Nhóm UT1 (Ưu tiên 1)

01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Nhóm UT2 (Ưu tiên 2)

04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.
----	--

7.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trên tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Các phương thức xét tuyển khác: Miễn lệ phí xét tuyển.
- Lệ phí xét miễn và công nhận điểm học phần: 50.000đ/học phần.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường cam kết giải quyết mọi khiếu nại của thí sinh trong quá trình xét tuyển và trong quá trình học tập của sinh viên nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh và người học.

10. Các nội dung khác

(Không trái quy định hiện hành)

10.1. Thông tin về học phí

Mức học phí đối với các ngành dự kiến như sau:

STT	Ngành	Học phí (VNĐ/tín chỉ)
1	Luật kinh tế	689.000
2	Ngôn ngữ Anh	689.000
3	Quản trị kinh doanh	689.000
4	Tài chính - Ngân hàng	689.000
5	Kế toán	689.000
6	Kỹ thuật điện	689.000
7	Kỹ thuật xây dựng	689.000
8	Kiến trúc	689.000
9	Công nghệ thông tin	750.000
10	Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	750.000
11	Quản trị khách sạn (*)	850.000
12	Du lịch (*)	850.000
13	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)	1.250.000
14	Điều dưỡng (*)	1.200.000 (**)
15	Y khoa (*)	2.900.000 (***)

Lưu ý:

- Học phí không tăng trong suốt quá trình học;
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm tại Tập đoàn Intracom;
- Học phí trên chưa bao gồm học phí học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- (*) Các ngành/ chuyên ngành dự kiến đào tạo năm 2026.
- (**) Chính sách ưu đãi học phí áp dụng cho khóa K21 nhập học năm 2026 ngành Điều dưỡng:
 - + Năm học thứ nhất được ưu đãi giảm 20% học phí;
 - + Từ năm học thứ 2 trở đi nộp theo mức học phí nhà trường công bố;
- (***) Chính sách ưu đãi học phí áp dụng cho khóa K21 nhập học năm 2026 ngành Y khoa:
 - + Năm học thứ nhất được ưu đãi giảm 30% học phí;
 - + Năm học thứ hai được ưu đãi giảm 20% học phí;
 - + Năm học thứ ba được ưu đãi giảm 10% học phí;
 - + Từ năm học thứ 4 trở đi nộp theo mức học phí nhà trường công bố.

10.2. Thông tin về học bổng

10.2.1. Học bổng TOÀN PHẦN "NHÂN TÀI INTRACOM"

- **Đối tượng:** Thí sinh trúng tuyển chính quy năm 2026 đạt Giải Nhất/Nhì/Ba học sinh giỏi Quốc gia, hoặc tổng điểm thi THPT $\geq 27,0$ điểm, hoặc có giải thưởng cấp Quốc tế/khu vực về học thuật, khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật; các trường hợp đặc biệt do Hội đồng Học bổng xem xét.
- **Giá trị học bổng:** 100% học phí toàn khóa học và hỗ trợ ký túc xá (nếu có nhu cầu).
- **Số lượng:** 03 suất.

10.2.2. Học bổng KHỞI ĐẦU VỮNG VÀNG - HỌC PHÍ ĐƯỢC SAN SẴ INTRACOM START STRONG

- **Đối tượng:** Sinh viên trúng tuyển năm 2026 đáp ứng đồng thời: Hoàn tất thủ tục nhập học chính quy; Đóng đủ học phí năm học thứ nhất theo quy định.
- **Giá trị học bổng:** Thí sinh hoàn tất 100% học phí học kỳ II sẽ được tặng 100% học phí học kỳ I; Thí sinh không hoàn tất học phí học kỳ II chỉ được hưởng mức ưu đãi 50% học phí học kỳ I.
- **Số lượng:** 1000 suất.

10.2.3. Học bổng KẾT NỐI - NHÓM TRƯỜNG/NHÓM BẠN

- **Đối tượng:** Nhóm ≥ 3 SV cùng trường THPT hoặc cùng nhập học.
- **Giá trị học bổng:** Hỗ trợ 30% học phí học kỳ I năm học thứ nhất cho mỗi sinh viên.
- **Số lượng:** 200 suất.

10.2.4. Học bổng trách nhiệm xã hội - "VƯƠN LÊN CÙNG INTRACOM"

- **Đối tượng:** SV có hoàn cảnh khó khăn, nghị lực vươn lên.
- **Giá trị học bổng:** 50% học phí học kỳ I.
- **Số lượng:** 50 suất.

10.2.5. Học bổng - "KHÁT VỌNG INTRACOM" toàn quốc

Mức 1

- **Đối tượng:** học sinh tốt nghiệp THPT có thêm một trong các tiêu chí sau:
 - + Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi và kỳ thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, trong các năm từ 2023 - 2026.
 - + HS các trường THPT chuyên có học lực loại Khá trở lên.
 - + HS các trường THPT có học bạ đạt loại Giỏi.
 - + Điểm thi V-SAT quy đổi về điểm thi TN THPT đạt từ 25 điểm trở lên.
 - + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 - 2027.
 - + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, phù hợp tiêu chí của chương trình.
- **Giá trị học bổng:** Tặng 100% học phí toàn khóa học, Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.
- **Số lượng:** 30 suất.

Mức 2

- **Đối tượng:** học sinh trúng tuyển đại học năm 2026 đáp ứng đồng thời:
 - + HS học lực Khá, Giỏi và tốt nghiệp THPT.
 - + Có điểm thi V-SAT quy đổi về điểm thi TN THPT đạt từ 21 điểm trở lên.
 - + Hoàn tất thủ tục nhập học chính quy.
- **Giá trị học bổng:** Tặng 50% học phí toàn khóa học, Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.
- **Số lượng:** 100 suất.

10.2.6. Học bổng - "KHÁT VỌNG INTRACOM" dành cho học sinh Nghệ An

Mức 1

- **Đối tượng:** Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
 - + Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.
 - + Điểm thi V- SAT quy đổi từ 25 điểm trở lên, trong các năm học từ năm 2003 đến 2026.
 - + HS các trường THPT có học bạ đạt loại Giỏi.
 - + Điểm thi V-SAT quy đổi về điểm thi tốt nghiệp THPT đạt từ 25 điểm trở lên.
 - + Học sinh trường THPT chuyên Phan, chuyên Bộ ĐH Vinh, chuyên Nghệ An có học lực cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
 - + Học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An có học lực cả năm lớp 12 đạt loại giỏi.
 - + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 - 2027.
 - + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.
- **Giá trị học bổng:**
 - + Tặng 100% học phí toàn khóa học.

- + Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- Điều kiện duy trì:

Học bổng áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng “Khát vọng Intracom” như sau:

- + Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng cho năm học hiện tại.
- + Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.
- + Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.
- + Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.

- Số lượng: 20 sinh viên.

Mức 2

- Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- + Là thành viên đội tuyển tham gia kỳ thi học sinh giỏi, hoặc kỳ thi KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.
- + Điểm thi V- SAT quy đổi từ 21 điểm trở lên, trong các năm học từ năm 2003 đến 2026.
- + Học sinh Trường THPT chuyên Phan, chuyên Bộ ĐH Vinh có học lực cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
- + Học Sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên và có điểm trung bình môn Toán và Tiếng Anh cả năm lớp 12 từ 8 điểm trở lên.
- + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 – 2027.
- + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình

học bổng.

- Giá trị học bổng:

+ Tặng 50% học phí toàn khóa học.

+ Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- Điều kiện duy trì: Áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng "Khát vọng Intracom" như sau:

+ Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng "Khát vọng Intracom" cho năm học hiện tại.

+ Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.

+ Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.

+ Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.

- Số lượng: 100 sinh viên.

10.2.7. Học bổng - "KHÁT VỌNG INTRACOM" dành cho học sinh Hà Tĩnh

Mức 1

- Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

+ Điểm thi V- SAT quy đổi từ 25 điểm trở lên, trong các năm học từ năm 2003 đến 2026.

+ Học sinh trường THPT chuyên Hà Tĩnh, THPT Lê Hữu Trác, THPT Hương Sơn, THPT Cao Thắng có học lực năm lớp

12 đạt loại khá trở lên.

- + Học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có học lực trung bình cả năm lớp 12 đạt loại giỏi
- + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 - 2027.
- + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.

- Giá trị học bổng:

- + Tặng 100% học phí toàn khóa học.
- + Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- Điều kiện duy trì:

Học bổng áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng "Khát vọng Intracom" như sau:

- + Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng cho năm học hiện tại.
- + Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.
- + Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.
- + Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.

- Số lượng: 15 sinh viên.

Mức 2

- Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- + Là thành viên đội tuyển tham gia kỳ thi học sinh giỏi, hoặc kỳ thi KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.
- + Điểm thi V- SAT quy đổi từ 21 điểm trở lên, trong các năm học từ năm 2003 đến 2026.
- + Học sinh Trường THPT chuyên Phan, chuyên Bộ ĐH Vinh có học lực cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
- + Học sinh trường THPT chuyên Hà Tĩnh, THPT Lê Hữu Trác, THPT Hương Sơn, THPT Cao Thắng có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
- + Học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên và có điểm trung bình môn Toán và Tiếng Anh cả năm lớp 12 từ 8 điểm trở lên.
- + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 – 2027.
- + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.

- Giá trị học bổng:

- + Tặng 50% học phí toàn khóa học.
- + Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- Điều kiện duy trì: Áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng “Khát vọng Intracom” như sau:

- + Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng “Khát vọng Intracom” cho năm học hiện tại.
- + Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.
- + Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.
- + Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các

hoạt động xã hội.

- **Số lượng:** 50 sinh viên.

10.2.8. Học bổng - "KHÁT VỌNG INTRACOM" dành cho học sinh Hưng Yên

Mức 1

- **Đối tượng:** Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- + Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại các Chương trình tuyển chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên trong các năm từ năm 2023 đến năm 2026.
- + Học sinh trường THPT chuyên của tỉnh học lực cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
- + Học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh có học lực trung bình cả năm lớp 12 đạt loại giỏi (Tốt).
- + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 - 2027.
- + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.

- **Giá trị học bổng:**

- + Tặng 100% học phí toàn khóa học.
- + Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- **Điều kiện duy trì:**

Học bổng áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng "Khát vọng Intracom" như sau:

- + Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng cho năm học hiện tại.
- + Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển

điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.

- + Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.
- + Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.
- **Số lượng:** 15 sinh viên.

Mức 2

- **Đối tượng:** Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
 - + Là thành viên đội tuyển tham gia kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên trong các năm học từ năm 2023 đến năm 2026.
 - + Học sinh trường THPT Chuyên của tỉnh có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
 - + Học sinh các trường THPT, Trung tâm GDTX trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên và có điểm trung bình môn Toán và Tiếng Anh cả năm lớp 12 từ 8 điểm trở lên.
 - + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 – 2027.
 - + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.
- **Giá trị học bổng:**
 - + Tặng 50% học phí toàn khóa học.
 - + Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.
- **Điều kiện duy trì:** Áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng “Khát vọng Intracom” như sau:
 - + Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng “Khát vọng Intracom” cho năm học hiện tại.

+ Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.

+ Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.

+ Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.

- **Số lượng:** 100 sinh viên.

10.2.9. Học bổng - "KHÁT VỌNG INTRACOM" dành cho học sinh Quảng Trị

Mức 1

- **Đối tượng:** Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại các Chương trình tuyển chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên trong các năm từ năm 2023 đến năm 2026.

+ Học sinh trường THPT chuyên của tỉnh học lực cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.

+ Học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh có học lực trung bình cả năm lớp 12 đạt loại giỏi (Tốt).

+ Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 - 2027.

+ Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.

- **Giá trị học bổng:**

+ Tặng 100% học phí toàn khóa học.

+ Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- **Điều kiện duy trì:**

Học bổng áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng “Khát vọng Intracom” như sau:

- + Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng cho năm học hiện tại.
 - + Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.
 - + Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.
 - + Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.
- **Số lượng:** 15 sinh viên.

Mức 2

- **Đối tượng:** Học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
- + Là thành viên đội tuyển tham gia kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên trong các năm học từ năm 2023 đến năm 2026.
 - + Học sinh trường THPT Chuyên của tỉnh có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.
 - + Học sinh các trường THPT, Trung tâm GDTX trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên và có điểm trung bình môn Toán và Tiếng Anh cả năm lớp 12 từ 8 điểm trở lên.
 - + Trúng tuyển và nhập học tại Trường Đại học Intracom năm học 2026 – 2027.
 - + Có ý thức học tập tốt, tinh thần vượt khó, có khát vọng vươn lên, phù hợp và đáp ứng các tiêu chí của chương trình học bổng.
- **Giá trị học bổng:**
- + Tặng 50% học phí toàn khóa học.

+ Tốt nghiệp ưu tiên bố trí việc làm.

- **Điều kiện duy trì:** Áp dụng xuyên suốt khóa học, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khóa 21 để duy trì học bổng “Khát vọng Intracom” như sau:

+ Điểm học tập của năm học liền kề trước được sử dụng làm cơ sở xét học bổng “Khát vọng Intracom” cho năm học hiện tại.

+ Sinh viên phải đạt điểm trung bình năm học từ 2.5 điểm trở lên (thang điểm 4) đối với toàn bộ các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất trong kỳ xét học bổng. Không bao gồm học phần trả nợ, cải thiện, các học phần chuyển điểm, miễn học (kể cả chuẩn đầu ra); học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, học phần khóa luận, học kỳ doanh nghiệp hoặc các học phần tương đương.

+ Điểm rèn luyện học kỳ đạt loại Khá trở lên, theo thang đánh giá rèn luyện hiện hành của Nhà trường.

+ Đạo đức tư cách tốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao trong quá trình học và thực tập cũng như các hoạt động xã hội.

- **Số lượng:** 100 sinh viên.

Mức 3